

Bản án số: **157/2022/HN-ST**.

Ngày: 22/6/2022.

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Phước Tường**.

2. Ông **Võ Văn Cường**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Trần Khắc Huy** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 445/2021/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thân Thị Mười H**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Phong N** (tên gọi khác Nguyễn Thông N), sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Phần trình bày của nguyên đơn chị Thân Thị Mười H:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị H trình bày:

Chị với anh Nguyễn Phong N cưới nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cái Bè. Anh chị chung sống đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, nên anh chị đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 29/12/2006 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 03/10/2008. Từ khi ly thân đến nay chị là người trực tiếp nuôi hai con chung. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Phần trình bày của bị đơn anh Nguyễn Phong N:

Bị đơn anh Nguyễn Phong Nđủ được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án về việc khởi kiện xin ly hôn của chị H; Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh, cũng như yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Nguyễn Phong N. Anh N có địa chỉ tại xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Anh Nguyễn Phong N dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án về việc khởi kiện xin ly hôn của chị H; Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh, cũng như yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Phong N.

[2] Về nội dung vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N cưới nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cái Bè. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì ly thân cho đến nay. Theo chị H khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, xung đột nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên anh chị ly thân từ đó đến nay không gần gũi được tình cảm vợ chồng. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh N nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

-Xét thấy chị H với anh N cưới nhau năm 2005 có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến năm 2020 thì ly thân, từ đó đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị H cương quyết ly hôn, còn anh N vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị H, cho thấy anh N đã từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H cho chị được ly hôn với anh N là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có hai người con chung tên: Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 29/12/2006 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 03/10/2008 từ khi ly thân đến nay chị H là người trực tiếp nuôi hai con chung. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Còn anh N không có ý kiến gì về nuôi con chung chưa thành niên. Nhận thấy từ khi ly thân đến nay chị H là người trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên đã ổn định và phát triển bình thường. Mặt khác hai con chung của anh chị cũng có bản tự khai nộp cho Tòa án và có ý kiến được sống với chị H nếu anh chị ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H giao con chưa thành niên tên Nguyễn Thị Kiều M và Nguyễn Văn H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. **Về quan hệ vợ chồng**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Thân Thị Mười H.

- Cho chị Thân Thị Mười H được ly hôn với anh Nguyễn Phong N.

2. **Về con chung**: Giao hai con chung chưa thành niên của anh chị tên Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 29/12/2006 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 03/10/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo qui định pháp luật.

3. **Về án phí**: Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000915, ngày 17/11/2021 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

4. **Về quyền kháng cáo**: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết

theo quy định của pháp luật, đề Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã B;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

PHẠM THANH DŨNG